|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

Dự thảo 2

**THÔNG TƯ**

**Quy định công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân**

 *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

 *Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

 *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

 *Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

 *Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế;*

 *Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

 1. Thông tư này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương trong công tác bảo vệ môi trường.

 2. Những hoạt động bảo vệ môi trường chưa được quy định trong Thông tư này thì áp dụng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

 Thông tư này áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân* là hoạt động phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình thực hiện công tác công an.

*2. Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trong Công an nhân dân* là các hoạt động nhằm thích ứng, ngăn ngừa, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với tính mạng, sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ, công nhân công an, tài sản, vũ khí, trang bị vật tư, thiết bị kỹ thuật, công trình, các hoạt động bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân; thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu của Nhà nước và địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tiến hành các hoạt động bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân

1. Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Công an về bảo vệ môi trường.

2. Bộ Công an thống nhất quản lý, có sự phân công, phân cấp cho Công an các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

3. Lồng ghép bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ của ngành Công an. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa các hoạt động của lực lượng Công an nhân dân với hoạt động bảo vệ môi trường.

4. Các hoạt động bảo vệ môi trường phải được tổ chức, chỉ đạo, quản lý, triển khai thực hiện thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp. Bảo đảm kịp thời, chính xác, triệt để, có hiệu quả cao, hạn chế đến mức thấp nhất tiêu hao sức người, kinh phí và phương tiện trong thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

5. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên, ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải và giải quyết những vấn đề môi trường cấp bách; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

6. Công an các đơn vị, địa phương được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

7. Bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước về an ninh trong quá trình thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

**Chương II**

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mục 1

TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC

VÀ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Nội dung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

1. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Công an, của địa phương nơi đóng quân và của đơn vị về bảo vệ môi trường.

2. Hiện trạng môi trường và xu thế diễn biến chất lượng môi trường thế giới, khu vực, trong nước và các khu vực do Bộ Công an quản lý; tác động của công tác công an đối với môi trường và biện pháp giảm thiểu, khắc phục.

3. Những mô hình tiêu biểu, gương người tốt, việc tốt trong hoạt động bảo vệ môi trường; phê phán những hành vi gây tác động xấu đối với môi trường.

4. Tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái môi trường và ứng phó sự cố môi trường.

5. Các chương trình, phong trào của Nhà nước, Bộ Công an, địa phương nơi đóng quân về bảo vệ môi trường.

**Điều 6. Hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường**

1. Sử dụng các hình thức, biện pháp nói chuyện chuyên đề, thi tìm hiểu, sân khấu hóa, viết bài, làm phim tài liệu, phóng sự, tập huấn và các hình thức khác để thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân công an.

2. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường phải thường xuyên, liên tục; nội dung đa dạng, phong phú; thông tin ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, thể hiện được các yêu cầu bảo vệ môi trường, phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị; bảo đảm yêu cầu bí mật, an toàn thông tin theo quy định.

3. Trong hoạt động thông tin tuyên truyền hạn chế sử dụng các chất liệu từ nhựa, vật liệu khó phân hủy.

**Mục 2**

**ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC**

**Điều 7. Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược**

Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược bao gồm các chiến lược, quy hoạch trong lĩnh vực an ninh thuộc đối tượng quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường và danh mục quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 8. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược**

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch quy định tại Điều 7 của Thông tư này có trách nhiệm:

a) Tự thực hiện hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch. Đối với các báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch thuộc bí mật nhà nước về an ninh, quy trình lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cần tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch đó. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược được tích hợp trong hồ sơ trình phê duyệt chiến lược. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch được lập thành báo cáo riêng kèm theo hồ sơ trình thẩm định quy hoạch;

c) Gửi kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch đến cơ quan chủ trì thẩm định quy hoạch để thẩm định; trình báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược lên cơ quan phê duyệt chiến lược để xem xét trong quá trình phê duyệt.

2. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược:

 a) Nội dung đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Bảo vệ môi trường và quy định chi tiết tại Mẫu số 01a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

 b) Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Bảo vệ môi trường; kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch được lập thành báo cáo theo quy định tại Mẫu số 01b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

 3. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, đơn vị tư vấn khi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

4. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt chiến lược, quy hoạch.

**Điều 9. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược**

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thẩm định quy hoạch có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình thẩm định quy hoạch.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chiến lược có trách nhiệm tổ chức xem xét báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình phê duyệt chiến lược.

**Mục 3**

**ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**Điều 10. Đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường**

Đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường là dự án đầu tư thuộc nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 11. Thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường**

1. Cơ quan, đơn vị đề xuất dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 10 của Thông tư này thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

2. Thời điểm đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

3. Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường được quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư của Bộ Công an, cơ quan được giao tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Bộ Công an (Cục Y tế) xem xét nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường của dự án trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

**Mục 4**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**Điều 12. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường**

Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường là các dự án đầu tư thuộc Điều 30 của Luật Bảo vệ môi trường và được quy định chi tiết trong danh mục tại Phụ lục III và Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Điều 13. Thực hiện đánh giá tác động môi trường**

1. Chủ dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 12 của Thông tư này có trách nhiệm:

a) Tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án. Đối với các dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về an ninh, quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cần tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Thực hiện đánh giá tác động môi trường đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện bằng văn bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Bảo vệ môi trường và quy định chi tiết tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

c) Gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đến cơ quan thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này; hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

d) Hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo kết quả thẩm định và gửi cơ quan thẩm định đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

đ) Thực hiện tham vấn trong đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 33 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 26 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

e) Nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật phí và lệ phí.

2. Chủ dự án đầu tư, đơn vị tư vấn khi thực hiện đánh giá tác động môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu được sử dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**Điều 14. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

1. Thẩm quyền thẩm định:

a) Cục Y tế thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về an ninh;

b) Các dự án đầu tư trong Công an nhân dân không thuộc bí mật nhà nước về an ninh do cơ quan nhà nước tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thẩm quyền phê duyệt:

a) Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc bí mật nhà nước về an ninh do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư;

b) Cục trưởng Cục Y tế phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc bí mật nhà nước về an ninh do Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư cho Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương;

c) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án không thuộc bí mật nhà nước về an ninh.

**Điều 15. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

1. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Bảo vệ môi trường. Các biểu mẫu hồ sơ trong quá trình thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Thẩm quyền thành lập, thành phần hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc bí mật nhà nước về an ninh:

a) Cục Y tế ban hành quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về an ninh;

b) Thành phần hội đồng thẩm định gồm: đại diện lãnh đạo Cục Y tế làm Chủ tịch hội đồng, các thành viên khác của hội đồng thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 34 của Luật Bảo vệ môi trường;

c) Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định.

**Điều 16. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư và cơ quan thẩm định sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

1. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường;

b) Chủ dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 của Thông tư này gửi 01 bản quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án về Cục Y tế để quản lý, theo dõi.

2. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 38 củaLuật Bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**Mục 5**

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 17. Đối tượng phải có giấy phép môi trường**

Đối tượng phải có giấy phép môi trường được quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 18. Đề nghị cấp giấy phép môi trường**

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 17 của Thông tư này có trách nhiệm:

a) Tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh, quá trình lập hồ sơ cần tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Nộp phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 45 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án đầu tư, cơ sở; đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và các thông tin, số liệu được sử dụng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

**Điều 19. Thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường**

1. Thẩm quyền thẩm định:

a) Cục Y tế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh;

b) Các dự án đầu tư, cơ sở trong Công an nhân dân không thuộc bí mật nhà nước về an ninh do cơ quan nhà nước tổ chức thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thẩm quyền cấp giấy phép:

a) Bộ trưởng Bộ Công an cấp giấy phép môi trường cho các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư;

b) Cục trưởng Cục Y tế cấp giấy phép môi trường cho các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh do Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư cho Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương;

c) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường cấp giấy phép môi trường cho các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc bí mật nhà nước về an ninh.

**Điều 20. Nội dung, căn cứ, thời điểm, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, thu hồi giấy phép môi trường**

1. Nội dung, căn cứ, thời điểm nộp, thời điểm cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục, thời hạn cấp giấy phép môi trường:

a) Chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 19 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp giấy phép môi trường. Việc cấp giấy phép môi trường được thực hiện trên cơ sở thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quy định;

c) Thời hạn cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Việc cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 21. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư, cơ sở và cơ quan cấp giấy phép môi trường**

1. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư, cơ sở:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường;

b) Chủ dự án đầu tư, cơ sở quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 của Thông tư này gửi 01 bản giấy phép môi trường của dự án, cơ sở về Cục Y tế để quản lý, theo dõi.

2. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 48 củaLuật Bảo vệ môi trường.

**Điều 22. Đăng ký môi trường**

Các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện đăng ký môi trường theo quy định tại Điều 49 của Luật Bảo vệ môi trường.

**Mục 6**

**QUẢN LÝ CHẤT THẢI, KIỂM SOÁT Ô NHIỄM**

**Điều 23. Quy định về quản lý chất thải**

Công an các đơn vị, địa phương có phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, bụi, khí thải có trách nhiệm:

1. Quản lý chất thải trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy.

2. Tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng và giấy phép môi trường phù hợp để xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phân định chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với nguồn thải chất thải công nghiệp thuộc diện phải kiểm soát theo quy trình phân định tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện quản lý chất thải phóng xạ theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

5. Thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Nước thải được khuyến khích tái sử dụng khi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và phù hợp với mục đích sử dụng nước.

6. Quản lý nước thải có chứa thông số môi trường nguy hại vượt ngưỡng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

7. Thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Áp dụng giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải; cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia khi chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp.

9. Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa; phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa.

10. Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại; xử lý chất thải nguy hại bằng công nghệ phù hợp và đáp ứng quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nội dung, yêu cầu khác về quản lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 24. Quản lý, sử dụng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường**

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương được đầu tư, trang cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường (sau đây gọi tắt là hệ thống) có trách nhiệm:

a) Phân công cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm quản lý, sử dụng hệ thống;

b) Bố trí kinh phí duy trì hoạt động, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống và giám sát hoạt động của hệ thống theo quy định.

2. Cán bộ được phân công quản lý, sử dụng hệ thống phải thực hiện đúng quy trình vận hành và tài liệu hướng dẫn quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Đơn vị quản lý, sử dụng hệ thống có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ hệ thống, gồm:

a) Hồ sơ thiết kế hệ thống, hồ sơ hoàn công;

b) Tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng hệ thống;

c) Tài liệu hướng dẫn xử lý tình huống khi hệ thống gặp sự cố, hỏng hóc;

d) Văn bản phân công cán bộ thực hiện công tác quản lý, sử dụng;

đ) Sổ nhật ký vận hành;

e) Sổ nhật ký bảo dưỡng, sửa chữa;

g) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và các báo cáo khác về hệ thống;

h) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Hệ thống được cải tạo, nâng cấp, mở rộng trong các trường hợp sau:

a) Công suất hệ thống không bảo đảm so với nhu cầu thực tế;

b) Hệ thống đã xuống cấp không bảo đảm yêu cầu xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

 5. Hệ thống được điều chuyển, thanh lý trong các trường hợp sau:

 a) Điều chuyển đối với các hệ thống đã được phê duyệt đầu tư hoặc đã được lắp đặt nhưng thay đổi về đối tượng, vị trí đầu tư;

 b) Thanh lý đối với các hệ thống hết hạn sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất mà không tiếp tục sử dụng được; hệ thống chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể cải tạo, sửa chữa hoặc chi phí sửa chữa lớn hơn 30% tổng mức đầu tư hệ thống;

 c) Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

**Mục 7**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC, CƠ SỞ ĐẶC THÙ**

**Điều 25. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở giam giữ**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật, ngành Công an và địa phương nơi đóng quân về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện biện pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường trong các hoạt động quản lý, giam giữ và giáo dục cải tạo phạm nhân.

3. Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh; quản lý, xử lý nước thải và các chất thải khác phát sinh từ hoạt động quản lý, giam giữ và giáo dục cải tạo phạm nhân, bảo đảm đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

4. Quản lý, bảo vệ tài nguyên đất, rừng và các loại tài nguyên khác thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường cho đối tượng giam giữ, cải tạo.

**Điều 26. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khu, cụm công nghiệp an ninh**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khu, cụm công nghiệp an ninhcó trách nhiệm:

1. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động của đơn vị. Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; xử lý nước thải và các chất thải khác phát sinh, bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

2. Khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của đơn vị gây ra.

3. Nộp thuế, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện kiểm toán chất thải; tổ chức quan trắc môi trường tự động, liên tục, định kỳ theo quy định của pháp luật.

5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân công an, lao động hợp đồng.

6. Ban quản lý khu, cụm công nghiệp an ninh phải bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

7. Thực hiện các nội dung, yêu cầu khác trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khu, cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 27. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với kho tàng, cơ sở bảo quản vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ**

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường trong hoạt động của hệ thống kho tàng, cơ sở bảo quản vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư.

2. Lập kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động của kho tàng, cơ sở bảo quản vũ khí, vật liệu nổ.

3. Thực hiện các nội dung, yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 28. Nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế**

1. Cơ sở y tế trong Công an nhân dân phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau:

a) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra;

b) Chất thải y tế phải được xử lý sơ bộ loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi lưu giữ, xử lý, tiêu hủy tập trung;

2. Cơ sở y tế sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

3. Thực hiện các nội dung, yêu cầu khác trong hoạt động y tế theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 29. Nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường trong hoạt động nghiên cứu, thí nghiệm**

1. Xử lý, tiêu hủy mẫu, vật phẩm phân tích thí nghiệm, hóa chất bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2. Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

3. Cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nội dung, yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Mục 8**

**ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**Điều 30. Thích ứng với biến đổi khí hậu**

 1. Thích ứng với biến đổi khí hậu trong Công an nhân dân là các hoạt động nhằm tăng cường khả năng chống chịu của điều kiện cơ sở hạ tầng, kĩ thuật, sức khoẻ của cán bộ, chiến sĩ, công nhân công an, học viên, can phạm nhân; giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và tận dụng các cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại.

 2. Nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu trong Công an nhân dân gồm:

 a) Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với khu vực đóng quân và các lĩnh vực công tác công an theo quy định tại Chương II của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;

 b) Triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với nước biển dâng;

 c) Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu ngành Công an.

 3. Cục Y tế có trách nhiệm:

 a) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều này;

 b) Xây dựng và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của Bộ Công an, định kỳ 05 năm rà soát, cập nhật một lần;

c) Thực hiện giám sát các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của Công an các đơn vị, địa phương; tổng hợp xây dựng báo cáo của Bộ Công an gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả về Cục Y tế.

 **Điều 31. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

 1. Đối tượng thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

 2. Nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thực hiện theo quy định tại Điều 91 của Luật Bảo vệ môi trường.

 **Điều 32. Lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.**

 1. Chiến lược, quy hoạch ngành Công an phải thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường và Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

 2. Nội dung lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch ngành Công an thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 của Luật Bảo vệ môi trường.

 **Điều 33. Cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu**

1.Cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu của Bộ Công an được tích hợp trong cơ sở dữ liệu về môi trường Bộ Công an quy định tại Điều 45 của Thông tư này, bao gồm thông tin, dữ liệu sau đây:

 a) Văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật về biến đổi khí hậu;

 b) Số liệu điều tra, khảo sát, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực công tác công an; báo cáo của Công an các đơn vị, địa phương, của ngành Công an về ứng phó với biến đổi khí hậu;

 c) Các hoạt động liên quan đến phát thải khí nhà kính và các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong Công an;

 d) Các hoạt động hợp tác về ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu;

 e) Các thông tin, dữ liệu khác có liên quan.

2. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu theo quy định tại khoản 1 Điều này lên cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu của Bộ Công an.

**Điều 34. Báo cáo ứng phó với biến đổi khí hậu**

 1. Báo cáo ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công an gồm các nội dung sau:

 a) Tổng quan diễn biến tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực công tác công an;

 b) Nỗ lực và hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu;

 c) Nguồn lực dành cho ứng phó với biến đổi khí hậu;

 d) Dự báo các tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực công tác công an;

 đ) Tình hình thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; văn bản chỉ đạo, điều hành, chương trình, kế hoạch, dự án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an và các Bộ, ban, ngành liên quan về ứng phó với biến đổi khí hậu;

 e) Kiến nghị các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Cục Y tế có trách nhiệm hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo ứng phó với biến đổi khí hậu; tổng hợp, xây dựng báo cáo của Bộ Công an gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 năm liền kề của năm báo cáo;

3. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng báo cáo hằng năm theo hướng dẫn của Cục Y tế; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng hoặc khi xảy ra các sự cố do tác động của biến đổi khí hậu tại đơn vị.

**Mục 9**

**NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ;**

**HỢP TÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN**

**Điều 35. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường**

1. Nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch bảo vệ môi trường phục vụ công tác công an.

2. Nghiên cứu xây dựng mô hình trụ sở, đơn vị xanh - sạch - đẹp, thân thiện với môi trường.

3. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường trong kiểm soát ô nhiễm, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại; tái chế, tái sử dụng các loại phế liệu, chất thải; quản lý, tiêu hủy đối với vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật, tài liệu nghiệp vụ xuống cấp, hết hạn sử dụng.

4. Nghiên cứu, ứng dụng nguyên vật liệu mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong hoạt động của công tác công an.

5.Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường thực hiện theo các quy định về công tác khoa học và công nghệ.

**Điều 36. Hợp tác về bảo vệ môi trường**

1. Hợp tác về bảo vệ môi trường ngành Công an gồm:

a) Hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân trong lực lượng Công an;

b) Hợp tác giữa tổ chức, cá nhân trong Công an nhân dân với tổ chức, cá nhân trong nước;

c) Hợp tác giữa các tổ chức trong Công an nhân dân với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Nội dung hợp tác gồm:

a) Hợp tác về đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học;

b) Hợp tác về chuyển giao công nghệ sạch, công nghệ xử lý ô nhiễm;

c) Hợp tác về cung cấp thông tin, tư liệu, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, chia sẻ kinh nghiệm quản lý;

d) Hợp tác xây dựng và thực hiện các dự án cải thiện điều kiện môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và các dự án xử lý chất thải.

3. Hợp tác bảo vệ môi trường phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Các nội dung hợp tác về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng cụ thể phải được chọn lọc, phục vụ các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trong Công an, có tính toán hiệu quả và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trong quá trình hợp tác bảo vệ môi trường, phải thực hiện nghiêm túc theo văn bản hợp đồng, giữ uy tín với đối tác, tạo cơ sở cho sự hợp tác lâu dài; tuân thủ theo quy định của Bộ Công an về công tác đối ngoại;

c) Định kỳ hằng năm và khi kết thúc một nội dung hợp tác, cơ quan, đơn vị chủ trì hợp tác phải báo cáo cấp trên kết quả thực hiện theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân trong Công an nhân dân có nội dung hợp tác về bảo vệ môi trường với tổ chức, cá nhân trong và ngoài Công an nhân dân ở trong nước phải báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

5. Các tổ chức trong Công an nhân dân có nội dung hợp tác về bảo vệ môi trường với các tổ chức, cá nhân nước ngoài phải lập kế hoạch trình Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt và thực hiện theo quy chế đối ngoại của Bộ Công an.

**Mục 10**

**QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG,**

**PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG,**

**Điều 37. Quan trắc chất thải**

1. Công an các đơn vị, địa phương có phát sinh chất thải ra môi trường thuộc đối tượng quy định tại Điều 97 và Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có trách nhiệm tổ chức thực hiện quan trắc chất thải.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch và lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục hoặc quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Quản lý số liệu kết quả quan trắc chất thải; báo cáo cơ quan quản lý môi trường theo quy định;

c) Thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc chất thải; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện quan trắc chất thải. Quy trình thực hiện cần tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 38. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường**

1. Công an các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Nhà nước và Bộ Công an; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

2. Nội dung hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a) Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

b) Lắp đặt các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường;

c) Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng ứng phó sự cố môi trường;

d) Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

đ) Khắc phục hậu quả đối với con người và môi trường.

**Điều 39. Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn khu vực đóng quân**

Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện ứng phó, khắc phục sự cố môi trường ở địa bàn đóng quân và các khu vực được giao quản lý. Việc tổ chức, bố trí, sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị phục vụ ứng phó, khắc phục sự cố môi trường thực hiện theo quy định của Bộ Công an và hướng dẫn của cơ quan chức năng.

**Mục 11**

**THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, TRANH CHẤP,**

**KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

 **Điều 40. Thanh tra về bảo vệ môi trường**

1. Trách nhiệm tổ chức công tác thanh tra về bảo vệ môi trường:

a) Thanh tra Công an các cấp chủ trì công tác thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng thuộc quyền quản lý của Thủ trưởng cấp mình;

b) Đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin về hoạt động bảo vệ môi trường của đối tượng thanh tra và cử cán bộ chuyên môn tham gia, phối hợp với thanh tra cùng cấp thực hiện công tác thanh tra.

2. Đối tượng của thanh tra về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân là các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh.

3. Nhiệm vụ của cơ quan thực hiện công tác thanh tra về bảo vệ môi trường:

a) Thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước và Bộ Công an về bảo vệ môi trường;

b) Thanh tra các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến các tổ chức, cá nhân trong Công an;

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra môi trường của Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Giúp thủ trưởng cơ quan cùng cấp giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các tranh chấp về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

đ) Phối hợp với đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan chuyên ngành để xác lập, báo cáo về các sự cố, ô nhiễm, suy thoái môi trường do các đơn vị trong Công an nhân dân gây ra với cơ quan có thẩm quyền để xem xét quyết định.

4. Quyền hạn của cơ quan thực hiện công tác thanh tra về bảo vệ môi trường:

a) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu và giải trình những vấn đề cần thiết liên quan đến việc thanh tra;

b) Tiến hành các biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường;

c) Quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp có nguy cơ gây sự cố nghiêm trọng về môi trường và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó, đồng thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động có thể gây sự cố môi trường;

d) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước và Bộ Công an để xử lý các vi phạm.

5. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện công tác thanh tra về bảo vệ môi trường:

a) Thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Nhà nước và Bộ Công an về thanh tra;

b) Kết luận nội dung thanh tra và kiến nghị với lãnh đạo đơn vị là đối tượng thanh tra về biện pháp xử lý, ngăn ngừa và khắc phục các vi phạm;

c) Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp để xem xét quyết định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên về các kết luận của mình.

6. Đối tượng thanh tra và các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ tạo điều kiện cho Đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên thi hành nhiệm vụ; chấp hành các quyết định của Đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên theo quy định của pháp luật; có quyền khiếu nại về quyết định, hành vi của người tiến hành thanh tra trong quá trình thanh tra; khiếu nại quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

**Điều 41. Kiểm tra công tác** **bảo vệ môi trường**

1. Trách nhiệm kiểm tra công tác bảo vệ môi trường

a) Cục Y tế có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh.

b) Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh do cấp mình quyết định đầu tư, quản lý.

2. Phương pháp, quy trình kiểm tra tiến hành theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Thông tư số 28/2019/TT-BCA ngày 20/8/2019 của Bộ Công an quy định về kiểm tra công tác trong Công an nhân dân. Đối với việc kiểm tra do Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt, sau khi kết thúc kiểm tra gửi 01 bản thông báo kết luận kiểm tra về Cục Y tế để tổng hợp, theo dõi.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra theo quy định tại Điều 12, 13 và 14 của Thông tư số 28/2019/TT-BCA.

**Điều 42. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường**

1. Cơ quan thanh tra, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường các cấp có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường thuộc thẩm quyền xử lý.

2. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường liên quan đến các cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và quy định của Bộ Công an.

**Mục 12**

**THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG;**

**BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG**

**Điều 43. Thông tin về môi trường trong Công an nhân dân**

1. Thông tin về môi trường bao gồm:

a) Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở trong Công an nhân dân;

b) Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở trong Công an nhân dân;

2. Cục Y tế có trách nhiệm thu nhận, lưu trữ và quản lý thông tin về môi trường trong Công an nhân dân. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thu nhận, lưu trữ và quản lý thông tin về môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc cung cấp thông tin về môi trường được quy định như sau:

a) Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường quy định tại khoản 2 Điều này về Cục Y tế thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ Công an hoặc báo cáo theo quy định; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước về an ninh;

b) Cục Y tế có trách nhiệm tham mưu, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt nội dung, thông tin môi trường của Bộ Công an cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 44. Cơ sở dữ liệu về môi trường trong Công an nhân dân**

1. Cơ sở dữ liệu môi trường Bộ Công an là tập hợp thông tin về môi trường được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý đáp ứng yêu cầu truy nhập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ Bộ đến Công an các đơn vị, địa phương, phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các lĩnh vực công tác khác trong Công an nhân dân.

2. Cục Y tế xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu môi trường Bộ Công an, bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

3. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin môi trường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 44 của Thông tư này lên cơ sở dữ liệu môi trường Bộ Công an.

**Điều 45. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường**

1. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm trong Công an nhân dân gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của năm báo cáo;

b) Đăng ký kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường năm tiếp theo và dài hạn.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm trong Công an nhân dân thực hiện như sau:

a) Cục Y tế có trách nhiệm hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường; tổng hợp, xây dựng báo cáo của Bộ Công an gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 02 năm liền kề của năm báo cáo;

b) Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng báo cáo theo hướng dẫn của Cục Y tế;

c) Báo cáo công tác bảo vệ môi trường được gửi bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

3. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo công tác bảo vệ môi trường đột xuất khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng hoặc khi xảy ra các vấn đề ô nhiễm, sự cố môi trường tại đơn vị.

**Chương III**

**NGUỒN LỰC CHO HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN**

**Điều 46. Nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động bảo vệ môi trường**

1. Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường.

2. Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

3. Kinh phí của doanh nghiệp Công an, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

4. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 47. Sử dụng kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường**

1. Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc nội dung sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp bảo vệ môi trường lập dự toán, chi tiêu và quản lý theo quy định tại Thông tư này; quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

 2. Các đề tài, nhiệm vụ, chương trình nghiên cứu bảo vệ môi trường thuộc nội dung sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được lập dự toán, chi tiêu và quản lý theo quy định về công tác khoa học và công nghệ trong Công an nhân dân; quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Các dự án, đề án bảo vệ môi trường thuộc nội dung sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, điều tra cơ bản, đầu tư phát triển và các nguồn kinh phí khác được thực hiện theo quy định của Nhà nước và Bộ Công an. Việc lập và thực hiện dự án, đề án được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và hướng dẫn của cơ quan quản lý đầu tư trong Công an nhân dân.

**Điều 48. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường**

1. Kinh phí chi cho các hoạt động bảo vệ môi trường của Công an các đơn vị, địa phương được bảo đảm theo kế hoạch và dự toán ngân sách hằng năm, trung hạn và dài hạn.

2. Kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp Công an, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được chi từ nguồn kinh phí của đơn vị.

**Điều 49. Bảo đảm nguồn nhân lực cho hoạt động bảo vệ môi trường**

1. Nhân sự thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thành lập bộ phận thường trực thuộc phòng Hậu cần có trách nhiệm tham mưu cho Ban Giám đốc tổ chức triển khai toàn diện các mặt công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công an cấp huyện. Thành phần gồm 05 đồng chí, do lãnh đạo Phòng Hậu cần chỉ đạo chung; có tối thiểu 01 thành viên được đào tạo chuyên môn về môi trường, các thành viên khác thuộc lĩnh vực công tác tham mưu - tổng hợp, xây dựng, quản trị, y tế;

b) Các đơn vị trực thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công 01 đồng chí cán bộ tham mưu - tổng hợp thực hiện công tác bảo vệ môi trường của đơn vị theo hình thức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ, Trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng quyết định thành lập bộ phận thường trực, phân công lãnh đạo và cán bộ phụ trách tổ chức triển khai toàn diện các mặt công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm phù hợp với đặc thù của đơn vị, thống nhất với phương án nhân sự quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

 **TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 50. Trách nhiệm chung của Công an các đơn vị, địa phương**

1. Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hằng năm, trung hạn và dài hạn về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường; đánh giá tác động môi trường; lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; đăng ký môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc quyền quản lý.

3. Tổ chức công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn, giáo dục về bảo vệ môi trường.

4. Định kỳ kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các đơn vị, cơ sở trực thuộc.

5. Phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy chất thải; quản lý, vận hành các trang thiết bị, phương tiện, công trình, hệ thống kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường.

6.Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, dự án, kế hoạch công tác của đơn vị.

7. Bảo đảm lực lượng, phương tiện, trang thiết bị trong phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường.

8. Tham gia ứng phó sự cố môi trường theo yêu cầu của cơ quan, cấp có thẩm quyền.

9. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường; hợp tác trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường.

10. Thực hiện các quy định khác về bảo vệ môi trường của Nhà nước và của Bộ Công an.

**Điều 51. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ**

1. Phối hợp với Cục Y tế xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định về công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

2. Tổ chức tập huấn, diễn tập ứng phó với các sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; chủ trì phân công, tổ chức, huy động lực lượng tác chiến trong phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Nghiên cứu, tham gia ý kiến lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các chiến lược, quy hoạch của ngành Công an nhân dân.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 52. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hỏa hoạn; nghiên cứu, đánh giá tác động của các sản phẩm do cháy gây ra ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường trong Công an nhân dân.

2. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 53. Trách nhiệm của Thanh tra Bộ**

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường liên ngành hoặc liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho thanh tra Công an các đơn vị, địa phương thực hiện việc thanh tra, giải quyết các vi phạm pháp luật, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường liên quan đến các cơ quan, đơn vị.

3. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 54. Trách nhiệm của Cục Kế hoạch và tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với Cục Y tế thẩm định dự toán, tổng hợp báo cáo lãnh đạo Bộ bố trí kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường của Công an các đơn vị, địa phương từ các nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 46 của Thông tư này.

2. Phối hợp với Cục Y tế hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư trong Công an nhân dân theo thẩm quyền.

3. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 55. Trách nhiệm của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại**

1. Chủ trì, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương bảo đảm các yêu cầu trong thiết kế, xây dựng, quản lý doanh trại thích ứng với điều kiện môi trường và biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sụt lún đất; hướng tới tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

2. Phối hợp với Cục Y tế giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, công trình xây dựng trong Công an nhân dân.

3. Lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch sử dụng đất an ninh trong các giai đoạn của Bộ Công an.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 56. Trách nhiệm của Cục Y tế**

 1. Tổng hợp tình hình công tác bảo vệ môi trường; xây dựng chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án, kế hoạch về công tác bảo vệ môi trường và chỉ đạo, tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện.

 2. Chủ trì nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết về bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

 3. Quản lý, thẩm định và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, dự án, đề án về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

 4. Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hằng năm, trung hạn và dài hạn, đề xuất phân bổ kinh phí bảo vệ môi trường hằng năm cho Công an các đơn vị, địa phương và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện ngân sách nhà nước trong hoạt động bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

 5. Tổ chức điều tra, khảo sát, lập báo cáo và xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về hiện trạng môi trường; tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong Công an nhân dân.

 6. Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá sơ bộ tác động môi trường và các thủ tục về bảo vệ môi trường đối với các kế hoạch, dự án đầu tư trong Công an theo quy định của pháp luật.

 7. Quản lý, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, tham gia thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân. Phối hợp với các đơn vị chức năng đề xuất và kiến nghị giải quyết các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân theo thẩm quyền.

 8. Hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường hằng năm, trung hạn và dài hạn; thực hiện các biện pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường trong Công an nhân dân.

 9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; phối hợp hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân theo quy định của Nhà nước và Bộ Công an.

 10. Tổ chức công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục, tập huấn về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

 11. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm, quan trắc môi trường, cải thiện và phục hồi môi trường trong Công an nhân dân.

 12. Xây dựng và cập nhật kịch bản, cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu, nước biển dâng và ngập lụt; hướng dẫn việc sử dụng thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu và lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch của ngành Công an.

 13. Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết, đề xuất khen thưởng công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

 14. Là đầu mối giúp Bộ Công an liên hệ, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, Ngành liên quan về công tác bảo vệ môi trường.

 15. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 57. Trách nhiệm của Cục Công nghiệp an ninh**

1. Chịu trách nhiệm quản lý, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp an ninh.

2. Tham mưu, đề xuất, áp dụng giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải của các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp an ninh.

3. Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, khu công nghiệp an ninh theo quy định của pháp luật.

4. Định kỳ, đột xuất báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp an ninh về Cục Y tế để quản lý, theo dõi.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 58. Trách nhiệm của Viện Khoa học và công nghệ**

 1. Nghiên cứu, đánh giá ô nhiễm, quan trắc môi trường, tư vấn về kỹ thuật, công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các hồ sơ quản lý môi trường trong Công an nhân dân.

2. Nghiên cứu, lựa chọn, hướng dẫn chuyển giao các giải pháp, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường và triển khai, ứng dụng các giải pháp xử lý, bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

3. Tham gia tác chiến tại hiện trường khi xảy ra sự cố môi trường, hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 50 của Thông tư này.

**Điều 59. Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong Công an nhân dân**

1. Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong Công an nhân dân trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm đề xuất và tổ chức công tác nghiên cứu về bảo vệ môi trường theo các nội dung được quy định trong Thông tư này.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu công tác của Công an các đơn vị, địa phương.

3. Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 51 của Thông tư này.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 60. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số 2044/QĐ-BCA(E11) ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy chế công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân.

2. Bãi bỏ Thông tư số 69/2020/TT-BCA ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong Công an nhân dân; Thông tư số 70/2020/TT-BCA ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý, sử dụng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường trong Công an nhân dân và các quy định trước đây của Bộ Công an trái với quy định tại Thông tư này.

3. Khi những văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới, thì những nội dung liên quan đến Thông tư này cũng sẽ được thay đổi theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

**Điều 61. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm quán triệt, tổ chức thi hành Thông tư này.

2. Cục Y tế chủ trì tham mưu giúp lãnh đạo Bộ Công an đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

3. Quá trình thi hành nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Y tế) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Các đồng chí Thứ trưởng;- Các đơn vị trực thuộc Bộ;- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Bộ Công an;- Lưu: VT, H06, V03. | **BỘ TRƯỞNG****Đại tướng Tô Lâm** |